

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 17/3/2022

V/v tranh chấp Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thu An

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thanh Hải

2. Ông Nguyễn Hùng Phước

- Thư ký phiên tòa: ông Lê Văn Ban, là thư ký Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ

Ngày 17 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 147/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2021 về việc tranh chấp Ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 12/2021/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà **Nguyễn Kha L (Nguyễn Thị Kha L)**, sinh năm 1989

Nơi cư trú: ấp T1, xã TL, huyện P, thành phố Cần Thơ - Có mặt.

Bị đơn: ông **Lê Thanh B**, sinh năm 1985

Nơi cư trú: ấp T1, xã TL, huyện P, thành phố Cần Thơ – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn – bà Nguyễn Kha L trình bày: bà và ông Lê Thanh B tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, ông bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trường Long vào ngày 18/02/2007. Thời gian đầu bà L và ông B chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn do ông B thường xuyên đánh đập bà L, bà L và ông B đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên bà L yêu cầu được ly hôn với ông Lê Thanh B. Về con chung thì giữa bà L và ông B có 03 con chung là Lê Thị Yến M (nữ) sinh ngày 17/6/2006, Lê Phúc V1 (nam) sinh ngày 29/6/2009 và Lê Thị Yến V2 (nữ) sinh ngày 01/01/2012, hiện các cháu đang sinh sống bên ông B nên bà L không yêu cầu trực tiếp nuôi con chung mà giao các con chung lại cho ông B trực tiếp nuôi dưỡng. Trong thời gian bà và ông B chung sống thì vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Kha L có nộp cho Tòa án một giấy trích lục kết hôn số 262, ngày 01/9/2017 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, thành phố Cần Thơ cấp ghi nhận người đăng ký kết hôn với ông Lê Thanh B là bà Nguyễn Thị Kha L. Tuy nhiên, bà L có nộp cho Tòa án một đơn xin xác nhận của Ủy ban nhân dân xã T xác nhận bà Nguyễn Kha L và Nguyễn Thị Kha L là một người. Do vậy, có đủ cơ sở xác định, bà Nguyễn Kha L (Nguyễn Thị Kha L) và ông Lê Thanh B xây dựng quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, thành phố Cần Thơ và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 262, ngày 18/02/2007, do đó, hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp. Nay một bên yêu cầu được ly hôn, vì vậy, Tòa án nhân dân huyện P thụ lý và giải quyết theo thẩm quyền.

[2] Tòa án đã tiến hành thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Lê Thanh B không đến tham dự các phiên hòa giải vào ngày 20/01/2022 và 09/02/2022 nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã mở phiên tòa xét xử công khai vào ngày 28/02/2022 nhưng ông B vắng mặt. Tại phiên tòa hôm nay, phía bị đơn Lê Thanh B vẫn vắng mặt, vì vậy, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn Lê Thanh B.

[3] Theo bà Nguyễn Kha L trình bày, nguyên nhân giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do ông B thường xuyên đánh đập bà L, bà và ông B đã sống ly thân một thời gian dài từ năm 2016 cho đến nay và hiện nay giữa vợ chồng không còn tình cảm nên bà L yêu cầu ly hôn. Mặc dù không ghi nhận được ý kiến của bị đơn nhưng việc bị đơn không đến tham dự các phiên hòa giải tại Tòa án cũng cho thấy bị đơn không còn tha thiết duy trì quan hệ hôn nhân với bà L, đồng thời tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn Nguyễn Kha L vẫn cương quyết ly hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng, mâu thuẫn giữa bà L và ông B đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng đã rạn nứt, vợ chồng không còn quan tâm, thương yêu, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được; vì vậy, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về con chung: bà L và ông B có ba con chung là các cháu Lê Thị Yến Ma (nữ) sinh ngày 17/6/2006, Lê Phúc V1 (nam) sinh ngày 29/6/2009 và Lê Thị Yến V2 (nữ) sinh ngày 01/01/2012, bà L không yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung mà giao các con chung lại cho ông B trực tiếp nuôi dưỡng, do từ khi bà và ông B không còn chung sống thì các con do ông B trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù không ghi nhận được ý kiến của bị đơn về vấn đề nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn nhưng xét các con chung của ông bà đang sinh sống ổn định bên ông B. Vì vậy, để đảm bảo điều kiện về mọi mặt cho các cháu, Hội đồng xét xử thống nhất giao các con chung của bà L và ông B cho ông B trực tiếp nuôi dưỡng, điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu V1 và

cháu V2 là được sống với cha. Vấn đề cấp dưỡng, do không ghi nhận được ý kiến của bị đơn nên Hội đồng xét xử không xem xét mà tách ra giải quyết thành vụ kiện khác khi có yêu cầu của đương sự.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: nguyên đơn trình bày không có nhưng không ghi nhận được ý kiến của bị đơn, do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét mà tách ra giải quyết thành vụ kiện khác khi có yêu cầu của đương sự.

[6] Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Kha L.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Kha L (Nguyễn Thị Kha L) được ly hôn với ông Lê Thanh B.

- Về con chung: giao các cháu Lê Thị Yến M (nữ) sinh ngày 17/6/2006, Lê Phúc V1(nam) sinh ngày 29/6/2009 và Lê Thị Yến V2 (nữ) sinh ngày 01/01/2012 cho ông Lê Thanh B trực tiếp nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, tách ra giải quyết thành vụ kiện khác khi có yêu cầu của đương sự.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bà Nguyễn Kha L, không ai được quyền ngăn cản

- Về tài sản chung, nợ chung: tách ra giải quyết thành vụ kiện khác khi có yêu cầu của đương sự.

- Án phí hôn nhân sơ thẩm: bà L nộp 300.000 đồng, chuyển tiền tạm ứng án phí tại phiếu thu số 0007077 ngày 23/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P thành án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận :

- Các đương sự;
- TAND Tp. Cần Thơ;
- VKSND H. P ;
- THA H. P;
- UBND xã T;
- Lưu HS (2b)

Nguyễn Thị Thu An